KẾ HOẠCH DẠY HỌC

**TUẦN** : 14 **Từ ngày** 09 **đến ngày** 13/ 12 / 2024

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **2** | SÁNG 09/12 | HĐTN | 40 | SHDC: Tập làm chú bộ đội |
| TV | 157 | Ôn, ôt |
| TV | 158 | Ôn, ôt (tt) |
| Đ Đ | 14 | Em tự giác làm việc của mình (tt) |
| GDTC | 27 | Ôn các tư thế và kĩ năng VĐ cơ bản- TC: |
| **3** | SÁNG CHIỀU 10/12 | ÂN | 14 | Ôn tập bài hát: Mẹ đi vắng |
| TV | 159 | Ơn, ơt |
| TV | 160 | Ơn, ơt (tt) |
| T | 40 | Phép trừ trong phạm vi 10 (tt) |
| TV | 161 | Tập viết ( sau bài 70, 71) |
| TN  &XH | 27 | An toàn trên đường |
| HĐTN | 41 | Bày tỏ lòng biết ơn |
| 4 | SÁNG  11/  12 | TV | 162 | Un, ut, ưt |
| TV | 163 | Un, ut, ưt (tt) |
| T | 41 | Phép trừ trong phạm vi 10 (tt) |
| TNXH | 28 | An toàn trên đường (tt) |
| **5** | SÁNG 12/12/2024 | MT | 14 | Trang trí bằng chấm và nét (tt) |
| TV | 164 | Uôn, uôt |
| TV | 165 | Uôn, uôt (tt) |
| TV | 166 | Tập viết ( sau bài 72, 73) |
| **6** | SÁNG 13/12/2024 | TV | 167 | Kể chuyện: Thần gió và Mặt trời |
| TV | 168 | Ôn tập |
| T | 42 | Luyện tập |
| GDTC | 28 | Ôn các tư thế và kĩ năng VĐ cơ bản- TC |
| HĐTN | 42 | SHL: Hát về chú bộ đội |

**Thứ Hai ngày 9 tháng 12 năm 2024**

**Hoạt động trải nghiệm: BÀY TỎ LÒNG BIẾT ƠN**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ : TẬP LÀM CHỦ BỘ ĐỘI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thực hiện được một số động tác đội hình, đội ngũ; có tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát như chú bộ đội.

- Có tình cảm kính trọng, biết ơn bộ đội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

2. Học sinh: Xếp hàng theo khối lớp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | 1. **Hoạt động mở đầu**   Khởi động  - Ổn định: - Hát  Giới thiệu bài  **2. Hoạt động hình thành kiến thức cơ bản**  **Hoạt động 1 Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tuần:**  - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ  + Ổn định tổ chức.  + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ  + Đứng nghiêm trang  Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca  +Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.  **Hoạt động 2. Học sinh tập làm chú bộ đội**   * GV tổ chức cho HS tập làm chú bộ đội theo một số nội dung sau đây:   + Tập đội hình, đội ngũ.  + Tập quay phải, quay trái.  + Tập duyệt binh.  - Tổ chức cho đại diện HS chia sẻ cảm xúc về buổi tập.)  **3. HĐ ứng dụng - Thực hành**  Khuyến khích học sinh tập làm chú bộ đội      **4. HĐ củng cố và nối tiếp**  Nhắc nhở HS tiếp tục tập văn nghệ.  Tuyên dương HS | Hát  Chào cờ  Lắng nghe  Tập làm chú bộ đội |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Hai ngày 09 tháng 12 năm 2024**

**Tiếng Việt: Bài 70: ôn ôt (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết các vần **ôn, ôt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôn, ôt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôn,** vần **ôt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Nụ hôn của mẹ.*
* Viết đúng các vần **ôn, ôt,** các tiếng **thôn** (xóm), **cột** (cờ) (trên bảng con).

**\*Lồng ghép: QPAN**: Giới thiệu và nêu ý nghĩa của Cột cờ Hà Nội, Cột cờ Lũng Cú (bằng hình ảnh hoặc phim...)

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

III.**CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **35’/1T** | **Tiết 1** | | |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động**:  **Cả lớp hát**  2 HS đọc bài Tập đọc *Mẹ con cá rô* (2) (bài 69).  **b/ Giới thiệu bài:** vần **ôn,** vần **ôt.**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **HĐ1. Dạy vần** **ôn**   * HS đọc: **ô, n,** vần **ôn. /** Phân tích vần **ôn.**7 Đánh vần và đọc: **ô - nờ - ôn / ôn.**   Cho HS quan sát tranh rút ra tiếng mới trong từ: Thôn bản  HS nói: *thôn xóm / thôn.* / Phân tích tiếng **thôn.** / Đánh vần, đọc: thờ - ôn thôn / thôn.  -Đánh vần, đọc trơn: ô - nờ - ôn / - thờ - ôn - thôn / thôn xóm | -HS đọc bài  HS lắng nghe  HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần/ đọc trơn  từ: thôn bản | |
|  | .  **HĐ2. Dạy vần ôt** (như vần **ôn** |  | |
|  | - Đánh vần, đọc trơn: ô - tờ - ôt / cờ - ôt - côt - nặng - cột / cột cờ.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ôn, ôt,** 2 tiếng mới học: **thôn, cột.** |  | |
|  | **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ôn?** Tiếng nào có vần **ôt?).**  GV chỉ từng từ, HS (cá nhân, cả lớp) đọc. /Giải nghĩa từ: *đôn* (đồ dùng thường để bày chậu cảnh hoặc để ngồi, làm bằng |  | |
|  | sành, sứ hay gỗ quý); *lá lốt* (loại lá dùng làm gia vị, quấn thịt rán); *chồn* (thú ăn thịt, sống ở rừng, tai nhỏ, mình dài, chân ngắn, có mùi hôi); *thốt nốt* (cây cùng họ với dừa, chất nước ngọt từ cây có thể làm đường thốt nốt),...   * HS làm bài, nói kết quả tìm tiếng có vần **ôn,** vần **ôt.** * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **rốt** có vần **ôt.** Tiếng **đôn** có vần **ôn,...**   **3.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ôn:** viết **ô** trước, **n** sau. Chú ý nối nét từ **ô** sang **n.** | -  HS đọc  - Báo cáo kết quả, đọc  -Cả lớp đọc | |
|  | * Vần **ôt:** viết **ô** trước, **t** sau. Chú ý nối nét từ **ô** sang **t.**   **thôn:** viết **th** trước, **ôn** sau.   * **cột:** viết **c** trước, **ôt** sau, dấu nặng đặt dưới **ô.**  1. HS viết: **ôn, ôt** (2 lần). Sau đó viết: **thôn** (xóm), **cột** (cờ). | - Viết bảng con  HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
|  |  |  | |
|  | **Tiết 2** | | |
|  | **3.3.Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài *Nụ hôn của mẹ,* hình ảnh bé Chi bị sốt nằm trên giường, mẹ sờ tay lên trán bé, ân cần, lo lắng. 2. GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *thiêm thiếp* (quá yếu mệt, nằm như không biết gì). 3. Luyện đọc từ ngữ: **nụ hôn, bị sốt, nằm thiêm thiếp, mở mắt, thì thầm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 4 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV gắn 5 thẻ chữ lên bảng; nêu YC; chỉ từng cụm từ, cả lớp đọc. * HS làm bài, nối các cụm từ trong VBT. / 1 HS báo cáo kết quả. * Cả lớp đọc: ạ) *Nụ hôn của mẹ* - 1) *thật ấm áp.* / c) *Bé Chi -* 2) *đã hạ sốt.*   \* Cả lớp đọc lại bài 70.  **4/Hoạt động vận dụng**  -Tìm tiếng ngoài bài có vần ôn, ôt  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc  Tìm tiếng có vần ôn , ôt |
|  |  | |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Hai ngày 09 tháng 12 năm 2024**

**ĐẠO ĐỨC: BÀI 6: EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH(tt)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

* Nêu được những việc cần tự giác làm ở nhà, ở trường.
* Giải thích được vì sao phải tự giác làm việc của mình.
* Tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường.

**GDHS: LTCM, ĐĐLS ……………….**

- Quyền được tham gia.

- Bổn phận trẻ em đối với bản thân.

**Liên hệ**

+ Yêu lao động, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước.

+ Có ý giúp đỡ: ông (bà), cha (mẹ), anh (chị, em) làm việc trong gia đình.

+ Liên hệ với HS về yêu quê hương, đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động:  b/Giới thiệu bài: **Em tự giác làm việc của mình** |  |
|  | **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới: Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  ***HĐ 1: Vận dụng trong giờ học:***  -GV giao nhiệm vụ cho nhóm HS: xây dựng kế hoạch chăm sóc bồn hoa, cây cảnh của lớp.  -HS thảo luận để phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, cách tiến hành,... chăm sóc bồn hoa, cây cảnh của lớp. | -HS vận dụng thực hành |
|  | ***HĐ 2: Vận dụng sau giờ học:***  -GV yêu cầu học sinh thực hiện những việc cần tự giác làm trong học tập, sinh hoạt hằng ngày ở nhà, ở trường.  -GV hướng dẫn HS tự đánh giá bằng cách: Thả chiếc lá hoặc cánh hoa vào “Giỏ việc tốt”.  -GV yêu cầu 1 2 HS nhắc lại các nhiệm vụ.  **3/ Hoạt động luyện tập thực hành** | -HS ghi nhớ và thực hiện nhiệm vụ  + Cùng bạn chăm sóc bồn hoa, cây cảnh của lớp.  + Hằng ngày, tụ giác làm việc của mình ở nhà và ở trường: học tập, trực nhật lớp; làm việc nhà phù hợp với khả năng.  + Nhắc nhở bạn tự giác làm việc của mình |
|  | **-** Em hãy kể lại những việc mà em đã tự làm ở nhà một cách trung thực.  -GV gọi 1 - 2 HS trả lời câu hỏi: Em rút ra được điều gì sau bài học này?  -GV tóm tắt lại nội dung chính của bài: Em hãy tự làm những việc của mình trong học tập vả sinh hoạt hằng ngày, không nên ỷ lại vào người khác. Khi tự giác làm việc của mình, em sẽ mau tiến bộ và được mọi người yêu quý.  -GV hướng dần HS đọc lời khuyên trong SGK *Đạo đức 1,* trang 33.  -GV nhận xét, đánh giá sự tham gia học tập của HS trong giờ học, tuyên dưong những HS, nhóm HS học tập tích cực.  **4/Hoạt động vận dụng**  -T iếp tục làm việc của mình một cách tự giác  **GDHS:**  + Yêu lao động, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước.  + Có ý giúp đỡ: ông (bà), cha (mẹ), anh (chị, em) làm việc trong gia đình.  + Liên hệ với HS về yêu quê hương, đất nước.  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét | - Kể lại những việc em làm…  -HS trả lời  -Lắng nghe, ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**GDHS:**

+ Yêu lao động, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước.

+ Có ý giúp đỡ: ông (bà), cha (mẹ), anh (chị, em) làm việc trong gia đình.

+ Liên hệ với HS về yêu quê hương, đất nước.

**Thứ Hai ngày 09 tháng 12 năm 2024**

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT:**

**Tiết 27 Ôn các tư thế và kĩ năng vận động cơ bản**

**Học nghiên đầu sang phải**

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết khẩu lệnh, cách thực hiện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản.

- Thực hiện được các tư thế vận động của đầu, cổ, tay…

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK, tranh minh họa

2. HS: SGK

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định tổ chức lớp.  - Thực hiện khởi động: Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối...  b/ **Giới thiệu bài.**  Giới thiệu nội dung học tập.  **2/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **Hoạt động 1:**  **Ôn các tư thế và kĩ năng vận động.**  - Cho HS quan sát tranh  - Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.    - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - YC HS thực hiện theo nhóm đôi.  - Gọi HS lên thực hiện theo nhóm, cá nhân.  - Tổ chức thi giữa các tổ.  - Giáo viên nhận xét  **Hoạt động 2: Học nghiên đầu sang phải**  Làm mẫu động tác 2 - 3 lần  Cho HS làm  Quan sát sửa sai (nêu có).  **4/Hoạt động vận dụng**  Thường xuyên ôn các động tác cơ bản đã học.  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** Cho HS thực hiện các động tác thả lỏng cơ toàn thân.  - Dặn dò HS tập luyện.  - Nhận xét tiết học. | **-** HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS quan sát.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện theo tổ.  - HS luyện tập theo nhóm đôi  - HS thực hiện.  - Các tổ thi nhau thực hiện.  - HS lắng nghe.  Học sinh thực hiện  - HS lắng nghe.  HS thực hiện  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

- Giáo viên giới thiệu động tác phối hợp với phụ huynh HS để hỗ trợ học sinh nhận biết được nội dung: Học nghiêng đầu sang phải. **Tiếng Việt: Bài 71 ơn ơt**

(2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết các vần **ơn, ơt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ơn, ơt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ơn,** vần **ơt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Sơn và Hà.*
* Viết đúng các vần **ơn, ơt,** các tiếng **sơn** (ca), **vợt** (trên bảng con).

**II .ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **Tiết 1** | |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**  - Cho cả lớp hát tập thể  - Gọi 2 HS đọc bài: Tập đọc *Nụ hôn của mẹ* (bài 70).  **b/ Giới thiệu bài:** vần **ơn,** vàn **ơt.**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **HĐ1. Dạy vần ơn:** | Cả lớp hát  -HS đọc bài  -HS lắng nghe |
|  | * HS đọc: **ơ - n - ơn. /** Phân tích vần **ơn. /** Đánh vần, đọc: **ơ - nờ - ơn / ơn.** * HS nói: *sơn ca / sơn.* / Phân tích tiếng **sơn. /** Đánh vần, đọc trơn: sờ - ơn - sơn / sơn. / Đánh vần, đọc trơn: ơ-nờ-ơn/sờ-ơn - sơn / sơn ca.   . **HĐ2.**  **Dạy vần** **ơt** (như vần **ơn)**  Đánh vần, đọc tron: ơ-tờ-ơt/vờ-ơt - vơt - nặng - vợt / vợt.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ơn, ơt,** 2 tiếng mới học: **sơn, vợt.** | -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần |
|  | **3/ Hoạt động luyện tập thực hành**  **3.1Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **ơn,** tiếng có vần **ơt)**  Đọc tên sự vật.  Tìm tiếng có vần **ơn, ơt,** nói kết quả. Cả lớp đồng thanh: Tiếng **lợn** có vần **ơn.** Tiếng **thớt** có vần **ơt,...**   * **Tập viết** (bảng con - BT 4) * GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu * Vần **ơn:** viết **ơ** trước, **n** sau. / vần **ơt:** viết **ơ** trước, **t** sau. * **sơn:** viết **s** trước, **ơn** sau. * **vợt:** viết **V** trước, **ơt** sau, dấu nặng đặt dưới **ơ.** * HS viết: **ơn, ơt** (2 lần). / Viết: **sơn** (ca), **vợt.** | -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
|  | 1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu hình ảnh hai bạn Sơn, Hà và cô giáo trong giờ làm bài kiểm tra. 3. GV đọc mẫu. 4. Luyện đọc tìr ngữ: **kiểm tra, lẩm nhẩm, thờn bơn, bớt, thì thầm, lễ phép, ngẫm nghĩ, chợt nghĩ ra, nắn nót.** 5. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 13 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: *Hà thì thầm: “Còn 3 chứ? ” / Hà lê phép: Dạ.* / 2 câu cuối. * Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 7 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc nội dung BT. / HS làm bài trong VBT hoặc viết vào thẻ. * GV: Ý nào đúng? / HS giơ thẻ. / GV chốt lại: Ý a đúng (Ý b sai). * Cả lớp: Ý a đúng: *Cô Yến đề nghị Hà - a) Để bạn Sơn tự làm.*   \* Củng cố: Cả lớp đọc lại bài 71 (nếu còn thời gian).  **4/Hoạt động vận dụng**  -Tìm tiếng ngoài bài có vần ơn, ơt  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét  -GV dặn HS về nhà xem trước bài: 72.  Un, ut, ưt | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  Tìm tiếng có vần ơn, ơt |
|  |  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Toán:**  **Bài 31. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động**:  Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học.  b/ **Giới thiệu bài** |  |
|  | **2/Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **HĐ1. Hình thành kiến thức**  - Cho HS tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: | - HS thực hiện |
|  | 2-1 = 1; 3-2=1; 4-3 = 1; 6-4 = 2; 9-5 = 4;... |  |
|  | ***Lưu ý:*** GV có thế tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). |  |
|  | - *Sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt. (Bỏ qua). |  |
|  | - GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 10.* | HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *Kết quả* (làm theo nhóm bàn). |
|  | - GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi l.  Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.  ……………………………………………… |  |
|  | Dòng thứ mười được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 10.  **HĐ2.Cho HS thực hiện thao tác ở tay** |  |
|  | **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  Bài 1  Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. . (Bỏ qua). |
|  | *Lưu ỷ:* Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng trừ trong phạm vi 10* để tính nhẩm. |  |
|  | - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 9 - 1; 7 - 2; 8 - 8; ... |  |
|  | Bài 2  - Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp; | - Chia sẻ trước lớp |
|  | - GV chốt lại cách làm bài, cho HS kiểm tra và sửa sai (nếu có). |  |
|  | Bài 3  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. | - HS quan sát tranh.. Chia sẻ trước lớp |
|  | + Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 10-1=9. |  |
|  | + Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 9 - 2 = 7. |  |
|  | - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày |  |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  -Tính trong cuộc sống thường ngày.  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét | HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.  -HS nêu, nhận xét |
|  | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Tiếng Việt: TẬP VIẾT ôn, ôt, ơn, ơt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Viết đúng **ôn, ôt, ơn, ơt, thôn xóm, cột cờ, sơn ca, vợt**

**-** chữ thường, cờ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK,.

-HS: Vở luyện viết, bảng con…

**III. CÁC OẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động:  Cả lớp hát  b/ Giới thiệu bài: **Tập viết**  **2/ Hoạt động Luyện tập thực hành**   1. Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học. 2. Tập viết: *ôn, thôn xóm, ôt, cột cờ.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần *ôn, ôt;* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Vần *ôn:* cao 2 li. vần *ôt:* chữ *t* cao 3 li, chú ý rê bút khi viết từ **ô** sang **n** hay sang **t.**  + Viết *thôn: h* cao 5 li, *t* cao 3 li; *xóm:* dấu sắc đặt trên *o.*  + Viết *cột:* dấu nặng đặt dưới *ô.* Viết *cờ,* | -HS lắng nghe  HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắ nghe |
|  |  |  |
|  | dấu huyền đặt trên *ơ.*   * HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   Tập viết: *om, sơn ca, ơt, vợt* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm* | -HS viết vào vở tập viết |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  Rèn chữ viết  **5/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** GV nhận xét tiết học  - Nhăc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết | Thực hiện  Lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Tiết 27 AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG (3 tiết)**

**Tiết 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**\*Về nhận thức khoa học**

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường .

- Nêu được cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống để đảm bảo an toàn trên đường ,

- Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông ,

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

– Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân , cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân , cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông , về biển báo và đèn tín hiệu giao thông ...

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

-Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ : đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông ; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông. (Bỏ qua)

Lồng ghép: ATGT **Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông**

Biết được vị trí, cách ngồi an toàn trên các

phương tiện giao thông phổ biến như: xe đạp, xe máy, ô tô…

– Nhận biết được những nguy hiểm khi ngồi

không đúng vị trí hoặc không đúng cách;

– Thực hiện và chia sẻ với mọi người về vị trí ngồi, cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.

(Phần:Khởi động, Thực hành, Vận dụng)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK

- HS: SGK

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - GV:  + Nhà em ở gần hay xa trường ?  + Em thường đến trường bằng phương tiện gì ?  Một số HS trả lời câu hỏi .  *GV*  : Để đảm bảo an toàn trên đường đi học , cũng như : toàn trên đường , chúng ta cần thực hiện những quy định gì , bài học hôm nay cả lớp cùng tìm hiểu.  **b/ Giới thiệu bài**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **Hoạt động 1: Phát hiện tình huống giao thông nguy hiểm.**  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - Yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 58 , 59 trong SGK để trả lời các câu hỏi :  + Các bạn đến trường bằng những phương tiện gì ?  + Theo em , những người nào có hành động không đảm bảo an toàn ? Vì sao ?  + Em khuyến một số bạn HS có hành động không đảm bảo an toàn điều gì ?  -GV theo dõi gợi ý HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  *-* Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét  - GV hoàn thiện các câu trả lời  **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **Hoạt động 2: Liên hệ thực tế**  *Bước 1 : Làm việc cá nhân*  - Yêu cầu HS nêu lưu ý khi đi trên đường để đảm bảo an toàn  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  *-* Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời . GV bình luận , hoàn thiện các câu trả lời .  **4/Hoạt động vận dụng**  Biết được vị trí, cách ngồi an toàn trên các  phương tiện giao thông phổ biến như: xe đạp, xe máy, ô tô…  – Nhận biết được những nguy hiểm khi ngồi  không đúng vị trí hoặc không đúng cách;  – Thực hiện và chia sẻ với mọi người về vị trí ngồi, cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.  -Thực hiện đi bộ an toàn  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét  **-** GDHS tham gia giao thông an toàn.  - Dặn dò học sinh về nhà xem lại bài, chuẩn bị tiết 2.  - Nhận xét tiết học. | - HS hát.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe  - HS quan sát.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS trình bày.  - HS nêu nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  -Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

Lồng ghép: ATGT **Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông**

Biết được vị trí, cách ngồi an toàn trên các

phương tiện giao thông phổ biến như: xe đạp, xe máy, ô tô…

– Nhận biết được những nguy hiểm khi ngồi

không đúng vị trí hoặc không đúng cách;

– Thực hiện và chia sẻ với mọi người về vị trí ngồi, cách ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.

(Phần:Khởi động, Thực hành, Vận dụng)

**Hoạt động trải nghiệm: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**BÀY TỎ LÒNG BIẾT ƠN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thực hiện được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ đất nước.

- Tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc trong đấu tranh gìn giữ độc lập,

tự do của Tổ quốc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK, bài giảng Powepoint, thiết bị học.

2. HS: SGK, vở bài tập, thiết bị học

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | 1. **Hoạt động mở đầu**   **a/ Khởi động**: |  |
|  | - Ổn định: | - Hát |
|  | **b/ Giới thiệu bài :** | - Lắng nghe |
|  | Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu về chủ đề Chú bộ đội. |  |
|  | **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **\*Mục tiêu:**  - Làm quen với trường học mới – trường tiểu học.  - Bước đầu biết được khung cảnh sư phạm của nhà trường, các hoạt động diễn ra ở nhà trường. | |
|  | **Hoạt động 1. Nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ** | |
|  | ***\*Mục tiêu:*** | |
|  | - HS biết được công lao của các anh hùng thương binh, liệt sĩ trong giữ gìn, bảo vệ Tổ quốc.  - Thực hiện được việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thương binh, liệt sĩ. | |
|  | ***\* Cách tiến hành:***  - GV tổ chức cho HS tới thăm hỏi, động viên một số gia đình thương binh liệt sĩ của quê hương theo gợi ý:  - Chuẩn bị:  +Liên hệ thống nhất kế hoạch tổ chức thăm hỏi với gia đình thương binh, liệt sĩ.  + Cùng HS chuẩn bị món quà ý nghĩa dành tặng gia đình thương binh, liệt sĩ.  + Chuẩn bị phương tiện đi lại và các điều kiện khác.  - Thực hiện: GV và HS tới thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ theo kế hoạch đã chuẩn bị.  - Bài học ý nghĩa: Kết thúc chuyến thăm hỏi, GV tổ chức cho HS chia sẻ cảmxúc của bản thân về chuyến đi. | - HS thực hiện công tác chuẩn bị để thăm hỏi, động viên một số gia đình thương binh liệt sĩ ở địa phương theo hướng dẫn của GV.  - HS cùng GV đến thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ.  - Từng lên HS chia sẻ cảm xúc của mình. |
|  | \*GV kết luận.  - Các anh hùng thương binh, liệt sĩ đã hi sinh bản thân mình để giữ gìn và bảo vệ quê hương, đất nước. Gia đình họ cũng chịu nhiều mất mát, đau thương. Mọi người đều có trách nhiệm chia sẻ những đau thương, mất mát đó. | - Theo dõi, lắng nghe |
|  | **3. Hoạt động luyện tập thực hành** | |
|  | **Hoạt động 2. Trang sử hào hùng** | |
|  | ***\*Mục tiêu:***  - HS tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc trong đấu tranh gìn giữ độc lập, tự do của Tổ quốc. | |
|  | ***\* Cách tiến hành*** :  - GV tổ chức cho HS trải nghiệm, học tập thực tế tại nghĩa trang liệt sĩ của quê hương theo gợi ý.  + Kể chuyện về các anh hùng liệt sĩ của quê hương, hoặc những trang sử hào hùng về các cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.  + Tổ chức cho HS thắp hương, đặt hoa tại đài tưởng niệm.  + HS chia sẻ cảm xúc của bản thân về buổi trải nghiệm. | - HS tập hợp tại nghĩa trang của địa phương.  + HS lắng nghe câu chuyện về các anh hùng liệt sĩ của nghĩa trang địa phương.  + HS thực hiện thắp hương, đặt hoa tại đài tưởng niệm.  + Lần lượt lên chia sẻ cảm xúc cảu bản thân. |
|  | \* Kết luận:  - Dân tộc Việt Nam trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống quân xâm lược đã chịu nhiều mất mát, đau thương. Sự hi sinh của các anh hùng liệt sĩ đã đem lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho các em ngày hôm nay. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  Học tốt để tỏ lòng biết ơn chú bộ đội  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những cống hiến, hi sinh của các chú bộ đội đối với nhân dân, đất nước. | - Lắng nghe  Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Tư ngày 11 tháng 12 năm 2024**

Tiếng Việt : Bài 72 un ut ưt

(2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết các vần **un, ut, ưt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **un, ut, ưt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **un,** vần **ut,** vần **ưt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Làm mứt.*
* Viết đúng các vần **un, ut, ưt,** các tiếng **phun, bút, mứt** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK,.

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **35’** | **Tiết 1** | |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động: Cả lớp hát  2 HS đọc bài Tập đọc *Sơn và Hà* (bài 71).  b/ Giới thiệu bài**:**  vần **un,** vần **ut,** vần **ưt**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **HĐ1.** Dạy vần **un**   * HS đọc: **u - nờ - un. /** Phân tích vần **un. /** Đánh vần, đọc: **u - nờ - un / un.** * HS nói: *phun.* / Phân tích tiếng **phun. /** Đánh vần, đọc: phờ - un - phun / phun. / Đánh vần, đọc trơn: u - nờ - un / phờ - un - phun / phun.   **HĐ2.** Dạy các vần **ut, ưt** (như vần **un)**   * Đánh vần, đọc tron: u - tờ - ut / bờ - ut - but - sắc - bút / bút. * Đánh vần, đọc tron: ư - tờ - ưt / mờ - ưt - mưt - sắc - mứt / mứt. * Củng cố: HS nói 3 vần mới học là: **un, ut, ưt.** GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, từ ứng dụng, cả lớp đánh vần, đọc tron.   Củng cố: HS nói 3 vần mới học: **un, ut, ưt,** 3 tiếng mới học: **phun, bút, mứt.**  **3/ Hoạt động luyện tập thực hành**  **3.1Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **un?** Tiếng nào có vần **ut?** Tiếng nào có vần **ưt?)**  - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ: *chim cút, râm bụt,...*  - Tìm tiếng có vần **un,** vần **ut,** vần **ưt;** làm bài trong VBT. / Báo cáo kết quả. / Cả lớp đồng thanh (nói nhỏ): Tiếng **lùn** có vần **un.** Tiếng **cút** có vần **ut.** Tiếng **nứt** có vần **ưt,...**  **3.2 Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **un: u** viết trước, **n** viết sau; chú ý nối nét từ **u** sang **n. /** Làm tương tự với **ut, ưt.**   **phun:** viết **ph** trước, vần **un** sau. / Làm tương tự với **bút, mứt.** Dấu sắc đặt trên u, ư. | -HS đọc bài  -Lắng nghe  -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn HS đánh vần. |
|  | Lắng nghe |
|  |  |
|  | Quát sát  Đọc từ  - Tìm tiếng có vần **un,** vần **ut,**  vần **ưt**  Luyện viết bảng con |
|  | 1. HS viết: **un, ut, ưt** (2 lần). Sau đó viết:   Phun, bút, mứt |  |
|  | **Tiết 2** | |
|  | **3.3.Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Hai bạn thỏ và cún đang làm mứt cà rốt. Nồi mứt đặt trên bếp lửa đang cháy đùng đùng. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **làm mứt, đun bếp, lửa ngùn ngụt, rút bớt lửa, phàn nàn, nhỏ nhẹ.** GV giải nghĩa từ: *ngùn ngụt* (lửa bốc mạnh thành ngọn lớn), *phàn nàn* (nói ra nỗi buồn bực, không vừa ý), *nhỏ nhẹ* (nói nhỏ, nhẹ nhàng, dễ nghe). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 11 câu. * GV chỉ từng câu (hoặc chỉ liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn đọc: 5/6 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc. * 1 HS làm mẫu câu 1: a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt. * HS làm bài trên VBT. / HS báo cáo kết quả. / Cả lớp nhắc lại: * a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt. * b) Cún - 1) đun bếp, lửa ngùn ngụt. * c) Làm mứt - 2) cần nhỏ lửa.   \* HS đọc lại bài 72 (nếu còn thời gian). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  -Tìm tiếng ngoài bài có vần un, ut, ưt  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét |  |
|  | -GV dặn HS về nhà xem trước **bài:73 uôn uôt** |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**TOÁN: Bài 31: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1, GV: SGK. Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

2. HS: Vở bài tập toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động: Chuẩn bị tư thế học  b/ Giới thiệu bài: **Phép trừ trong phạm vi 10**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **Hoạt động1. Chia sẻ và khám phá**  - GV phát các thẻ phép tính, sau đó cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).  - GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt.  - GV giới thiệu: *Bảng trừ trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  **Hoạt động 2.** Hướng dẫn học thuộc: | - Gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK  - Theo dõi  - HS thực hiện  - Nhận thẻ và chơi trò chơi nhóm đôi đố nhau,  - Hs lắng nghe, đọc. | |
|  | - Cho HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 10.*  - GV tổng kết:  Dòng thứ nhất là Bảng trừ: Một số trừ đi l.  Dòng thứ hai là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.  ……………………………………………………..  Dòng thứ mười là Bảng trừ: Một số trừ đi 10.  **3/ Hoạt động luyện tập thực hành**  **Bài 1**  **-**Gọi HS nêu yêu cầu bài.  -Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. Đổi vở, đặt câu hỏi.  -Nhận xét.  **Bài 2**  - Nêu yêu cầu bài.    **Bài 3**  -YC HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  -GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.  -Nhận xét, chốt.  **4/ Hoạt động vận dụng**  -Tập tính trừ: YC HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10  **\*/ Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | | - Nhận xét đặc điểm của phép trừ.  - HS nêu yêu cầu bài  - Làm bài  - HS lắng nghe  - Làm tính  -HS quan sát và kể các tình huống, ví dụ như:  + Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 10-1=9.  + Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: 9 - 2 = 7.  -Nêu tình huống  - Trả lời  - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Tư ngày 11 tháng 12 năm 2024**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Tiết 28 Bài học Stem**

**ĐÈN HIỆU VÀ BIỂN BÁO GIAO THÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Bài học này giúp HS:

– Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông.

– Thực hành: đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.

– Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

– Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.

– Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.

–  Sử dụng mô hình đèn hiệu và biển báo giao thông thực hành trong cuộc sống.

– Trình báy ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng, giới thiệu sản phẩm một cách tự tin.

– Có tinh thần hợp tác với các bạn khi làm sản phẩm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Chuẩn bị của GV**

– Các phiếu học tập (như ở phụ lục)

– Dụng cụ và vật liệu (dành cho 1 nhóm HS)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/ Học liệu** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Bộ hình phẳng cơ bản nhiều kích thước | 1 cái |  |
| 2 | Bìa các-tông | 1 tấm |  |
| 3 | Hình khối hộp chữ nhật | 2 tờ |  |
| 4 | Băng dính hai mặt | 2 tờ |  |
| 5 | Que tre | 5 que |  |
| 6 | Nắp chai | 5 cái |  |

**2. Chuẩn bị của HS (dành cho 1 nhóm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị/Dụng cụ** | **Số lượng** | **Hình ảnh minh hoạ** |
| 1 | Thước kẻ | 1 cái |  |
| 2 | Kéo thủ công | 1 cái |  |
| 3 | Hộp bút (lông) màu | 1 hộp |  |
| 4 | Giấy màu thủ công | 1 túi |  |
| 5 | Đất nặn | 1 hộp |  |

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| --- | --- | --- |
| **35’/1T** | **Khởi động tiết học, ổn định tổ chức** |  |
| – GV mời HS: Chúng mình cùng xem video nhé! | – HS quan sát |
| – GV hỏi HS: Nội dung video nói về điều gì?  (Video nói về phòng tránh tai nạn giao thông.) | – HS trả lời |
| – GV: Em nào có thể nêu được các hướng dẫn trong video?  Gợi ý: Hướng dẫn cho trẻ em đi đúng phần đường.  – Không đi bộ dưới lòng đường.  – Phải đi bộ trên vỉa hè.  – Không vượt giải phân cách.  – Không sang đường khi đèn tín hiệu vừa chuyển sang màu xanh.  – Không đi ngược chiều.  – Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe ô tô. | – HS trả lời |
| **KHỞI ĐỘNG (Xác định vấn đề)** | |
| **Hoạt động 1: Quan sát tranh** |  |
| – GV mời HS quan sát tranh trang 30, sách bài học STEM lớp 1. |  |
| – GV hỏi HS: Theo em hai bạn nhỏ trong tranh cần đi như thế nào để sang đường cho an toàn.  (Hai bạn nhỏ nên chờ đèn xanh bật mới đi sang đường.) | – HS trả lời |
| – GV phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS hoàn thành. | – HS hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| – GV mời HS chia sẻ phiếu học tập số 1 trước lớp. | – HS chia sẻ: tô đủ 3 màu xanh, vàng, đỏ |
| – GV chiếu hình ảnh đèn giao thông đủ 3 màu và dẫn dắt nhiệm vụ HS cần thực hiện trong bài này. GV giao nhiệm vụ tạo mô hình đèn hiệu và biển báo giao thông đảm bảo các yêu cầu sau:  + Màu sắc, hình dạng thể hiện đúng ý nghĩa của đèn hiệu, biển báo giao thông.  + Bên, đẹp, có thể sử dụng nhiều lần. |  |
| **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về đèn hiệu và biển báo giao thông** | |
| a) Nêu tên, ý nghĩa của mỗi đèn hiệu giao thông trong hình. |  |
| GV yêu cầu HS quan sát, thảo luận nhóm, thực hiện các yêu cầu:  – Nêu tên, ý nghĩa của mỗi loại đèn hiệu giao thông.  – Nêu việc chúng ta phải làm khi gặp các tín hiệu đèn để đảm bảo tham gia giao thông được an toàn. | – HS quan sát    – HS thảo luận |
| – GV mời một vài HS lên trả lời  Gợi ý: Tên và ý nghĩa hình dạng, màu sắc của mỗi loại đèn biển báo giao thông.  + Đèn đỏ báo hiệu dừng lại.  + Đèn vàng báo hiệu: chú ý dừng lại vì tiếp đó đèn đỏ sẽ sáng.  + Đèn xanh báo hiệu: chuẩn bị các phương tiện được phép di chuyển.  + Đèn (hình 4): đây là đèn giao thông dành cho người đi bộ:  1. đèn đỏ báo hiệu dừng lại  2. Đèn xanh báo hiệu đi | – HS trả lời. |
| – GV chốt lại một số nội dung về đặc điểm ý nghĩa của đèn hiệu giao thông. |  |
| b) Nêu tên, ý nghĩa, hình dạng của mỗi biển báo giao thông trong hình |  |
| – GV chiếu hình ảnh một số biển báo giao thông và yêu cầu HS quan sát, thảo luận nhóm về tên và ý nghĩa của từng biển báo. | – HS quan sát, thảo luận |
| – GV yêu cầu 1 – 2 HS đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  Gợi ý:  Biển báo 1: tên biển báo đoạn đường dành cho người đi bộ  ý nghĩa: các loại xe cơ giới và xe thô sơ (kể cả xe được ưu tiên theo quy định không được phép đi vào đường đã đặt biển báo này)  Biển báo 2: tên biển báo đoạn đường thường có trẻ em đi qua.  ý nghĩa: biển báo giao thông báo trước là gần đến đoạn đường thường có trẻ em đi ngang qua hoặc tụ tập trên đường như gần vườn trẻ, trường học, câu lạc bộ.  Biển báo 3: tên biển báo cấm rẽ trái  Ý nghĩa: biển báo cấm rẽ trái (theo hướng mũi tên chỉ) ở những chỗ đường giao nhau. Biển có hiệu lực cấm các loại xe (xe cơ giới và thô xơ) trừ các xe được ưu tiên theo luật lệ nhà nước quy định được rẽ trái.  Biển báo 4: tên biển báo hết khu vực đông dân cư  Ý nghĩa: biển báo báo hết khu vực đông dân cư để báo hiệu hết đoạn đường qua phạp vi khu đông dân cư. Biển có tác dụng báo cho người tham gia giao thông biết phạm vi phải tuân theo những quy định đi đường được áp dụng ở khu vực đông dân cư đã hết hiệu lực. | – HS báo cáo |
| c) GV yêu cầu HS kể thêm tên, ý nghĩa hình dạng một số biển báo giao thông mà em biết  Gợi ý: Một số biển báo giao thông:  Đường một chiều, cảnh báo nguy hiểm (núi lở, khu vực đông dân cư) | – HS trả lời |
| – GV phát phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS hoàn thành. | – HS hoàn thành |
| – GV mời HS trình bày phiếu học tập số 2 trước lớp. | – HS trình bày phiếu học tập số 2 |
| – GV chiếu đáp án phiếu học tập số 2.  – GV kết luận: Khi đi trên đường giao thông cần quan sát và thực hiện theo các tín hiệu đèn và biển báo giao thông. | – HS theo dõi |
| **NGHỈ GIỮA TIẾT 1 VÀ TIẾT 2** | |
| **LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm mô hình đèn tín hiệu và biểu báo giao thông** | |
| a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm mô hình đèn tín hiệu và biển báo giao thông |  |
| – GV chuẩn bị mô hình mẫu cho HS quan sát để HS có ý tưởng đề xuất. | – HS quan sát |
| – GV yêu cầu các nhóm thảo luận đề xuất ý tưởng làm mô hình theo tiêu chí. | – HS thảo luận nhóm |
| – GV tổ chức cho 1 – 2 nhóm chia sẻ ý tưởng với cả lớp.  Gợi ý: + Thành phần của mô hình: mặt của biển báo, đế giá gắn  + Cách làm mô hình  + Vật liệu làm mô hình: đất nặn, que tre, bộ hình phẳng. | – HS chia sẻ ý tưởng |
| – GV mời các nhóm khác nhận xét góp ý để nhóm bạn hoàn thiện ý tưởng. | – HS nhận xét góp ý. |
| – GV gợi mở các nhóm điều chỉnh cho phù hợp với vật liệu mà GV và HS đã chuẩn bị. |  |
| b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm. |  |
| – GV yêu cầu các nhóm thảo luận để lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm. | – Thảo luận nhóm |
| – GV mời đại diện hai nhóm giới thiệu phương án làm sản phẩm.  Gợi ý báo cáo:  + Nhóm lựa chọn loại biển báo và đèn tín hiệu?  + Các bộ phận của biển báo, vật liệu và cách làm các bộ phận. | – HS giới thiệu phương án làm sản phẩm. |
| – GV mời các nhóm khác nhận xét, góp ý | – Nhận xét, góp ý |
| – GV phát phiếu học tập số 3 và yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 3. | – HS hoàn thiện phiếu học tập số 3 |
| – GV mời đại diện nhóm trình bày phiếu học tập số 3.  Gợi ý:  1. Nhóm em làm mô hình đèn giao thông, biển cấm rẽ trái.  2. Mô hình gồm: mặt của biển báo, đế giá gắn.  3. Vật liệu sử dụng: bộ hình phẳng làm biển báo, que tre làm thân, nắp, đất nặn làm đế. | HS trình bày phiếu học tập số 3 |
| **Hoạt động 4. Làm mô hình đèn tín hiệu và biển báo** | |
| a) Lựa chọn dụng cụ và vật liệu |  |
| **–** GV giao dụng cụ và vật liệu cho các nhóm | – Các nhóm chọn dụng cụ và vật liệu để chuẩn bị làm mô hình. |
| – GV yêu cầu HS đọc gợi ý trong sách trang 32 làm mô hình đèn và biển báo giao thông và cho cô biết sách đã gợi ý các em làm như thế nào? Cần tiến hành mấy bước? đó là những bước nào?  Gợi ý:  Bước 1: Chọn loại hình phẳng phù hợp làm mặt biển báo  Bước 2: Vẽ, xé, dán hình thông tin lên mặt biển báo  Bước 3: Gắn biển vào cột  Bước 4: Làm đế và hoàn thiện | – HS trả lời |
| – GV yêu cầu HS thực hiện làm biển báo khi cần hãy đưa tín hiệu hỗ trợ. | – HS thực hiện làm biển báo theo nhóm. |
| – GV theo dõi việc làm sản phẩm của cả lớp và hỗ trợ khi cần. |  |
| – Các nhóm hoàn thành mô hình, GV yêu cầu kiểm tra và điều chỉnh mô hình theo tiêu chí để hoàn thiện tốt nhất. | – HS kiểm tra điều chỉnh mô hình theo tiêu chí. |
| – GV nhận xét đánh giá hoạt động của các nhóm và chuyển sang hoạt động tiếp theo. |  |
| **Hoạt động 5: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm** | |
| – GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm vừa chế tạo của nhóm mình. | – HS trưng bày sản phẩm của mình. |
| – GV yêu cầu các nhóm giới thiệu về mô hình.  Gợi ý: Mô hình của nhóm là loại biển báo và đèn tín hiệu gì? Gồm những bộ phận nào? Ý nghĩa của từng biển báo và đèn tín hiệu. | – Đại diện nhóm giới thiệu về mô hình. |
| – GV mời các nhóm khác nhận xét góp ý cho nhóm bạn. | – Các nhóm khác nhận xét góp ý |
| – GV yêu cầu HS các nhóm tự đánh giá sản phẩm của nhóm và các nhóm khác bằng cách tô màu vào ô mặt cảm xúc tương ứng theo mẫu phiếu đánh giá ở trang 33 sách stem lớp 1. | – HS hoàn thiện phiếu đánh giá. |
| **Hoạt động 6: Trải nghiệm tham gia giao thông đúng cách, an toàn** | |
| a) GV giới thiệu về sa bàn giao thông và yêu cầu các nhóm gắn biển báo có nội dung phù hợp vào vị trí trên sa bàn. | – HS gắn biển báo có nội dung phù hợp vào vị trí trên sa bàn. |
| b) GV cho các nhóm HS tiến hành đóng vai người tham gia giao thông khi đi qua đoạn đường không có hoặc có biển báo hoặc đèn tín hiệu giao thông. | – Từng nhóm HS đóng vai những người, xe tham gia giao thông, đặt ra những tình huống giao thông xảy ra trên đường và cách xử lí. |
| **TỔNG KẾT BÀI HỌC** |  |
| **–** GV đề nghị HS sử dụng sản phẩm tổ chức trò chơi tham gia giao thông.  – GV khen ngợi nhóm HS tích cực tham gia hoạt động, động viên các nhóm chưa làm tốt để lần sau cố gắng làm tốt hơn. |  |

**ĐÈN HIỆU VÀ BIỂN BÁO GIAO THÔNG**

**Nhóm:**                                                           **Lớp: 1**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | |  |
| **Tô màu cho đèn giao thông** | | **Tô màu cho đèn để bức tranh đúng với luật giao thông** |
| Nối |  |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Nối đèn tín hiệu giao thông và ý nghĩa của nó**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  | **Dừng lại** | **Chú ý** | **Được đi** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Vẽ biển báo Đoạn đường dành cho người đi bộ** | **Vẽ biển báo cấm rẽ trái** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠy**

**Thứ Năm ngày 12 tháng 12 năm 2024**

Tiếng Việt Bài 73 uôn uôt

(2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết vần **uôn, uôt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôn, uôt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôn,** vần **uôt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Chuột út (1).*
* Viết đúng các vần **uôn, uôt,** các tiếng **chuồn chuồn, chuột** (trên bảng con).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **35** | **Tiết 1** | |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động: Cả lớp hát**  Đọc bài: 72 un ut ưt  **b/ Giới thiệu bài:**  vần **uôn,** vần **uôt**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới: Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **HĐ 1.** Dạy vần **uôn:**   * **HS** đọc: **uô - nờ - uôn. /** Phân tích vần **uôn:** có âm **uô -** âm **n. /** Đánh vần, đọc: **uô - nờ - uôn / uôn.**   HS nói: *chuồn chuồn.* / Phân tích tiếng | Hát tập thể  HS đọc  HS lắng nghe  HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần |
|  | **chuồn. /** Đánh vần, đọc trơn: chờ - uôn- chuôn - huyền - chuồn / chuồn | -HS đánh vần, đọc trơn |
|  | * GV chỉ mô hình vần **uôn,** tiếng **chuồn,** từ ứng dụng, HS: uô - nờ - uôn / chờ - uôn - chuôn - huyền - chuồn / chuồn chuồn.   **HĐ 2.**Dạy vần **uôt** (như vần **uôn)** |  |
|  | Đánh vần, đọc trơn: uô - tờ - uôt / chờ - uôt - chuôt - nặng - chuột / chuột.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **uôn, uôt,** 2 tiếng mới học: **chuồn, chuột.** | --HS đánh vần |
|  | **3/ Hoạt động luyện tập thực hành** |  |
|  | * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôn?** Tiếng nào có vần **uôt?)** * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từ ngữ dưới hình. * HS tìm nhanh tiếng có vần **uôn,** vần **uôt,** nói kết quả. * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **chuồn** có vần **uôn.** Tiếng **vuốt** có vần **uôt,...**   **3.2Tập viết** (bảng con - BT 4)  GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:   * Vần **uôn: uô** viết trước, **n** viết sau. / vần **uôt:** viết **uô** trước, **t** sau. * **chuồn:** viết **ch** trước, vần **uôn** sau, dấu huyền đặt trên **ô.** * **chuột:** viết **ch** trước, vần **uôt** sau, dấu nặng đặt dưới **ô.** * **HS** viết: **uôn, uôt** (2 lần). / Viết: **chuồn chuồn, chuột.** | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
|  | **Tiết 2** | |
|  | **3.3. Tập đọc** (BT3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *Chuột út* (1): Chuột út một mình ra sân chơi. Nó biết được những điều gì mới mẻ? 2. GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *thô lố* (mắt to, lồi ra). 3. Luyện đọc từ ngữ: HS đánh vần (nếu cần), đọc trơn: **chuột, buồn, lũn cũn, dữ lắm, mắt thô lố, quát rõ to, rất hiền, muốn đùa.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc theo vai  * GV (vai dẫn chuyện) cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu. * Từng tốp (3 HS) luyện đọc theo vai trước khi thi. * Vài tốp thi đọc. GV khen những HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm. * Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú “dữ”: *“Mẹ ạ, trên sân ...sợquá”.* * GV chỉ hình, hỏi: Con thú “dữ” chuột út gặp là gà trống, chó hay mèo? . * GV: Gà trống là con vật rất hiền   \* HS đọc lại bài 73; đọc 9 vần vừa học trong tuần (chân trang 132). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện  - Đó là gà trống. / Cả lớp: Gà trống. |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  -Tìm tiếng ngoài bài có vần đã học  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -GV dặn HS về nhà xem trước HS tìm thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần ***uôn*** *(cuốn, buôn, muốn, tuôn,...), có* vần ***uôt*** *(nuốt, ruột, tuột,...).* Có thể làm BT này ở nhà.  GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Tiếng Việt: TẬP VIẾT un, ut, ưt, uôn, uôt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Viết đúng **un, ut, ưt, uôn, uôt, phun, bút, mứt, chuồn chuồn, chuột -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở luyện viết

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động: Cả lớp hát  b/ Giới thiệu bài: Tập viết  **2/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **HĐ1**   1. Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học. 2. **HĐ2** Tập viết: *un, phun, ut, bút, ưt, mứt.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần *un, ut, ưt,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Vần *un:* cao 2 li. vần *ut, ưt:* chữ *t* cao 3 li. (Chú ý viết nối nét *u - n, u -1)*  + Viết *phun:* chữ *h* cao 5 li, *p* cao 4 li. Viết *bút, mứt,* dấu sắc đặt trên *u, ư.* | - Hát  -HS lắng nghe  HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe |
|  |  |  |
|  | - HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   1. Tập viết: *uôn chuồn chuồn, uôt, chuột* (như mục b). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   **4/Hoạt động vận dụng**  Luyện viết  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp** | -HS viết vào vở tập viết |
|  | - Nhận xét  -GV dặn HS về nhà xem trước bài: 75 |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**Tiếng Việt: Bài 74 KỂ CHUYỆN**

THẦN GIÓ VÀ MẶT TRỜI

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thần gió thua mặt trời vì thần gió quá kiêu ngạo.

**II.ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK, Tranh minh hoạ truyện kể

2. HS: SGK, bộ đồ dùng, vở…

III. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  a/ Khởi động:Cả lớp hát  GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh hoạ truyện *Mây đen và mây trắng,* nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5.  b/ Giới thiệu bài: **Thần Gió và Mặt trời**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **HĐ1. Chia sẻ và khám phá**  1.**Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh minh hoạ, giới thiệu câu chuyện *Thần gió và mặt trời:* Các em hãy quan sát tranh,  xem truyện có những nhân vật nào?  GV: Truyện có 3 nhân vật (GV chỉ từng  nhân vật): thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất. Không rõ thần gió, mặt trời và người đi | -Hát tập thể  -HS trả lời  Truyện có 3 nhân vật: thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất |
|  | . | -HS lắng nghe |
|  | bộ làm gì. Họ có quan hệ với nhau như thế nào.  **HĐ2. Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện nói về cuộc thi tài giữa thần gió và mặt trời. Ai sẽ chiến thắng?  **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành** |  |
|  |  |  |
|  | **3.1Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng biểu cảm **3 lần.** | -HS lắng nghe |
|  | **Thần gió và mặt trời**   1. Thần gió vô cùng kiêu ngạo vì thần thường gây ra bão táp, làm đổ nhà cửa, cây cối. 2. Một hôm thần gió nói chuyện với mặt trời. Thần gió bảo: “Ta là người mạnh nhất”. Mặt trời nghe thần gió nói vậy thì chỉ một anh chàng đang đi bộ dưới mặt đất, bảo:  * Ta với anh, hễ ai làm cho anh chàng kia phải cởi áo khoác ra, người đó là kẻ mạnh nhất.  1. Thần gió bắt đầu ra oai. Thần nổi gió làm cát bụi bốc mù mịt, nhà cửa, cây cối đổ rạp. Nhưng gió càng lớn thì anh chàng kia càng cố giữ chặt chiếc áo. Thần gió không tài nào lột được chiếc áo đó ra. 2. Đến lượt mặt trời thử sức. Từ trong đám mây đen, mặt trời từ từ ló ra. Những tia nắng vàng toả khắp muôn nơi khiến mặt đất ngày càng nóng. Anh chàng đi bộ nóng vã mồ hôi. Thể là anh ta tự cởi áo khoác ra.   Theo *Ngụ ngôn Ê-dôp* (Minh Hoà kể) | |
|  | **HĐ 3.Trả lời câu hỏi theo tranh**   1. Mồi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Vì sao thần gió kiêu ngạo?* * GV chỉ tranh 2: *Thần gió nói gì với mặt trời? Mặt trời trả lời ra sao?* * GV chỉ tranh 3: *Thần gió dương oai, kết quả thế nào?* * GV chỉ tranh 4: *Mặt trời thử sức, kết quả ra sao?*  1. Yêu cầu HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh. 2. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi theo 4 tranh. | -Thần gió kiêu ngạo vì tự cho là mình rất mạnh. / Thần gió rất kiêu ngạo vì cho là mình có sức mạnh gây ra bão táp, làm đổ nhà cửa, cây cối  -Thần gió nói mình là kẻ mạnh nhất. / Mặt trời chỉ một người khoác chiếc áo đang đi dưới mặt đất, bảo: “Ta với anh, hễ ai làm cho anh chàng kia phải cởi áo khoác ra, người đó là kẻ mạnh nhất”  -Gió càng lớn thì người đi bộ càng cố giữ chặt áo. Thần gió không tài nào lột được áo của anh ta  -Mặt trời toả nắng, càng lúc càng nóng khiến người đi bộ vã mồ hôi. Thế là anh ta tự cởi bỏ áo  -HS trả lời |
|  | **HĐ 4. Kể chuyện theo tranh**   1. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 2. Mỗi HS kể chuyện theo tranh bất kì. 3. 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   \* GV cất tranh, mời 1 HS kể chuyện không nhìn tranh (YC không bắt buộc).   * 1. **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện** | -HS kể theo tranh  Thần gió kiêu ngạo, cho là mình mạnh nhất nhưng không cởi được áo của người đi bộ. |
|  | * GV: Em nhận xét gì về thần gió? * GV: Em nghĩ gì về mặt trời? * GV: Thần gió kiêu ngạo, hung hăng nhưng không cởi được áo của người đi bộ. Mặt trời rất khôn ngoan đã khiến người đi bộ tự cởi áo ra. Câu chuyện giúp các em hiếu: Người mạnh‘không phải người khoẻ, người hung hăng. Người mạnh là người thông minh, biết sử dụng trí óc.   **4/Hoạt động vận dụng**  Kể lại câu chuyện cho bố mẹ và người thân…  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Nhận xét  -GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC: *Hàng xóm* | -Mặt trời giỏi hơn, đã làm người đi bộ tự cởi áo ra  Thực hiện |
|  |  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**Tiếng Việt: Bài 75 ÔN TẬP**

(1 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chuột út* (2).
* Chép đúng chính tả 1 câu văn.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**   * GV mời 2 HS cùng đọc lại bài *Chuột út* (1).   b/ **Giới thiệu bài:** Ôn tập  **2/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **HĐ1. Luyện tập**  **BT 1** (Tập đọc): a) GV giới thiệu phần 2 của chuyện *Chuột út* sẽ cho biết câu chuyện tiếp diễn thế nào.   1. GV đọc mẫu. | -HS đọc  -HS lắng nghe |
|  | 1. Luyện đọc từ ngữ: **hớn hở, nằm thu lu, luôn liếm chân, rất thân thiện, la lớn, ăn thịt.** GV giải nghĩa: *nằm thu lu* (từ gợi tả dáng co nhỏ người lại, thu tròn người lại thật nhỏ). 2. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (lặp lại vài lượt). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: *Nó luôn liếm chân, liếm cổ / và nhìn con rất thân thiện.*  1. Thi đọc phân vai  * GV (vai dẫn chuyện), cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu. * Từng tốp (3 HS) luyện đọc phân vai trước khi thi. * Một vài tốp thi đọc. GV khen HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm. * Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).   g) Tìm hiểu bài đọc   * Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú hiền: *"Con còn gặp ... rất thân thiện ”,* * GV chỉ hình, hỏi: Con thú “hiền” chuột út gặp là mèo, chó hay gà trống? / 1 HS: Đó là con mèo. / Cả lớp: Con mèo. (GV: Mèo là kẻ thù của nhà chuột). * GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? * GV: Câu chuyện khuyên các em: Đừng đánh giá người khác chỉ qua vẻ ngoài. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS đọc  -HS đọc cả bài  -HS trả lơi, đọc  -Gà trống nom dữ tợn nhưng rất hiền. / Mèo nom rất hiền nhưng lại là kẻ thù của chuột |
|  | **BT 2** (Tập chép)   * Yêu cầu HS, cả lớp đọc câu văn GV viết trên bảng *(Chuột kể về con thú nó gặp).* * Cả lớp đọc thầm câu văn. Chú ý những từ các em dễ viết sai. * HS nhìn câu văn, chép vào vở / VBT. * HS viết xong, tự soát lỗi, đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. * GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.   **4/Hoạt động vận dụng**  Tìm đọc sách báo  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -Nhận xét | -HS đọc  -Lớp đọc thầm  -HS tập chép câu văn vào vở |
|  | -GV dặn HS về nhà xem trước bài: 76 ươn ươt | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**Toán:** **Bài 32 LUYỆN TẬP (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: SGK

2. HS: SGK, vở bài tập

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.  **b/Giới thiệu bài: Luyện tập** |  |
|  | **2/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  **Bài 1**- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).  - GV tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và nguợc lại.  **Bài 2**- Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tính).  a)Ngầm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể.  b)Ngầm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.  Chia sẻ truớc lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS cúng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. | - HS thực hiện  - HS thực hiện |
|  | **Bài 3.** HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: 6 + 3 = 9; 3 + 6 = 9; 9 - 3 = 6; 9 — 6 = 3; ... |  |
|  | Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. |  |
|  | Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. |
|  | *Ví dụ:*  + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn? |  |
|  | Chọn phép cộng 5 + 3 = 8 hoặc 3 + 5 = 8.  + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?  Chọn phép trừ 8 - 3 = 5. |  |
|  | + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?  Chọn phép trừ 8 - 5 = 3. |  |
|  | - GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản. |  |
|  |  |  |
|  | **4/Hoạt động vận dụng**  -Tập tính hàng ngày  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-Nhận xét**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10. |  |
|  | Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | HS nêu, nhận xét |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**HĐTN: SINH HOẠT LỚP: HÁT VỀ CHÚ BỘ ĐỘI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thể hiện tình cảm của bản thân với chú bộ đội qua hoạt động sinh hoạt tập thể hát về chú bộ đội.

- Yêu thích hoạt động văn nghệ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: SGK. Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

2. HS: SGK, vở bài tập, Một số bài hát về chú bộ đội.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a**/ Khởi động:Cả lớp hát  b/ Giới thiệu bài: **Hát về chú bộ đội**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá**  **HĐ1. Nhận xét trong tuần 1**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **HĐ.2. Phương hướng tuần 15**  - Thực hiện dạy tuần 15, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  ***\* Hát về chú bộ đội***  -GV tổ chức cho HS tập hát và trình diễn một số bài hát về chú bộ đội.  - Gợi ý một số bài hát:  + Chú bộ đội - Sáng tác: Hoàng Hà;  + Tập làm chú bộ đội - Sáng tác: Quỳnh Như;  + Màu áo chú bộ đội - Sáng tác: Nguyễn Văn Tý.  **4/Hoạt động vận dụng**  Tập làm chú bộ đội  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -GV dặn HS về nhà xem trước bài: Tìm hiểu về những người có công với quê hương.  - Nhận xét | Hát tập thể  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS tập và trình diễn các bài hát, múa về chú bộ đội.  Thực hiện  Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**Thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024**

**Giáo dục thể chất: Ôn các tư thế và kĩ năng vận động cơ bản**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết khẩu lệnh, cách thực hiện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản.

- Thực hiện được các tư thế vận động của đầu, cổ, tay…

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: SGK, tranh minh họa
2. HS: SGK.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **35’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định tổ chức lớp.  - Thực hiện khởi động: Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối...  b/ **Giới thiệu bài.**  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:Chia sẻ và khám phá**  **Hoạt động 1:**  **Ôn các tư thế và kĩ năng vận động.**  **Hoạt động 2: Ôn động tác nghiên đầu sang phải**  - Cho HS quan sát tranh  - Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  **3/ Hoạt động Luyện tập thực hành**  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. (bỏ qua).  - YC HS thực hiện cá nhân  - Gọi HS lên thực hiện theo nhóm, cá nhân.  - Tổ chức thi giữa các tổ. .  - Giáo viên nhận xét    **4/Hoạt động vận dụng**  -Tìm tiếng ngoài bài có vần đã học  **\*/Hoạt động củng cố và nối tiếp**    **-** Cho HS thực hiện các động tác thả lỏng cơ toàn thân.  - Dặn dò HS tập luyện.  - Nhận xét tiết học. | **-** HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS quan sát.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện theo tổ.  -HS luyện tập theo nhóm đôi  - HS thực hiện.  - Các tổ thi nhau thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

HĐNGLL: Kể chuyện Bác Hồ

HS: Kể chuyện về Bác Hồ